

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 375/AEON/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm.

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM.**

Địa chỉ: Số 30, đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 6288 7711

Fax:

E-mail: qc@aeon.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0311241512

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày Cấp/Nơi cấp:
(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm.

1. Tên sản phẩm: **BÁNH NƯỚNG GÀ QUAY KIM ĐIỀU SỐT MALA 1 TRỨNG**

2. Thành phần: Bột trộn 590V, nước đường bánh nướng, nhân đậu xanh, dầu thực vật, lòng đỏ trứng vịt muối (4%), thịt gà (4%), nhân hạt dưa, trứng gà, lạp xưởng, dăm bông, mứt hạt sen, mứt bí, mứt chanh, hạt điều (3%), mỡ heo, chà bông cay, bột nếp, mứt gừng, mứt tắc, mè trắng, bột mì, đường, cốt mai quế lộ, dầu mè, nước, nước tương, sốt teriyaki vị mala (0,6%), mứt vỏ chanh sấy dẻo, lá chanh, bột ngũ vị hương, tỏi, hạt nêm, muối, tiêu.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 20 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: 160 g/gói, hoặc quy cách đóng gói khác tùy theo nhu cầu thị trường và được thể hiện rõ trên nhãn sản phẩm.

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đặt trong hộp nhựa PET, có gói hút oxy và bao gói bằng túi nhựa PP; hoặc sử dụng chất liệu bao bì khác bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản phẩm của: Công ty TNHH AEON Việt Nam.

Địa chỉ cơ sở sản xuất:

- Sản xuất tại các chi nhánh, địa điểm sau:



- Trung tâm mua sắm AEON - Tân Phú Celadon, địa chỉ: Số 30, đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, địa chỉ: Số 01, đường Đại Lộ Bình Dương, khu phố Bình Giao, Phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Chi nhánh Long Biên, địa chỉ: Số 27, đường Cổ Linh, Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Số 01, đường số 17A, khu phố 27, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Địa điểm kinh doanh Hà Đông, địa chỉ: Trung tâm thương mại Aeonmall Hà Đông, Tổ dân phố Hoàng Văn Thụ, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, địa chỉ: Số 10 đường Võ Nguyên Giáp, Phường An Biên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam – Địa điểm kinh doanh Thành phố Mới Bình Dương, địa chỉ: Tầng 1, Trung tâm mua sắm SORA gardens SC, lô C19, Đại Lộ Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Địa điểm kinh doanh AEON Nguyễn Văn Linh, địa chỉ: BF-01, Tầng hầm 1, 101 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Địa điểm kinh doanh AEON Tạ Quang Bửu, địa chỉ: Lô L1 - 09 tại Tầng 1 và Lô L2 - 11, 12A, 12B tại tầng 2, 547 - 549 Tạ Quang Bửu, Phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế, địa chỉ: Số 08 Võ Nguyên Giáp, Phường An Cựu, Thành phố Huế, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Địa điểm kinh doanh Xuân Thủy, địa chỉ: Tầng 1, 2, 3, Số 122 - 124 đường Xuân Thủy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Chi nhánh Long An, địa chỉ: Số 84 tuyến tránh quốc lộ 1, KP Bình Cư 3, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
- Công ty TNHH AEON Việt Nam - Địa điểm kinh doanh Văn Giang, địa chỉ: Lô L1-01-05, Tầng 1 và Lô L2-42-43, Tầng 2, Trung tâm thương mại Vincom Mega Mall Ocean City, Khu đô thị sinh thái Dream City, Xã Nghĩa Trụ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
- Trung tâm mua sắm AEON - Tân Phú Celadon (PC), địa chỉ: Số 30, đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



- Công ty TNHH Aeon Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng, địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2, Trung Tâm Cao Ốc Phúc Hợp Nguyễn Kim, số 46 đường Điện Biên Phủ, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Sản xuất tại cơ sở sản xuất thuê:
Công ty TNHH Thực phẩm Tổng hợp Kowa (Việt Nam), địa chỉ: Lô số D - 2, Khu công nghiệp Thăng Long Vĩnh Phúc, Xã Bình Xuyên, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (nhãn dự thảo đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Theo TCVN 12940:2020: Bánh nướng cho các chỉ tiêu vi sinh.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ DUY XUÂN



MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ THẢO

CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM

Số 30, đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sản xuất tại (*):

BÁNH NƯỚNG GÀ QUAY KIM ĐIỀU SỐT MALA 1 TRỨNG

Thành phần: Bột trộn 590V, nước đường bánh nướng, nhân đậu xanh, dầu thực vật, lòng đỏ trứng vịt muối (4%), thịt gà (4%), nhân hạt dưa, trứng gà, lạp xưởng, dăm bông, mứt hạt sen, mứt bí, mứt chanh, hạt điều (3%), mỡ heo, chà bông cay, bột nếp, mứt gừng, mứt tắc, mè trắng, bột mì, đường, cốt mai quế lộ, dầu mè, nước, nước tương, sốt teriyaki vị mala (0,6%), mứt vỏ chanh sấy dẻo, lá chanh, bột ngũ vị hương, tỏi, hạt nêm, muối, tiêu.

Thành phần dinh dưỡng trong 100 g: Năng lượng: 367 kcal; Chất đạm: 9,7 g; Carbohydrat: 45,8 g;

Chất béo: 16,1 g; Natri: 387 mg; Đường tổng số: 27,3 g

Hàm lượng dinh dưỡng không thấp hơn 70% giá trị ghi trên nhãn.

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp sau khi mở bao bì.

Lưu ý: Bên trong có gói hút oxy không ăn được.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nhiệt độ thường.

Khối lượng tịnh: g

NSX:

HSD: 20 ngày kể từ ngày sản xuất.

(*) Mục "Sản xuất tại" trên nhãn sẽ ghi rõ tên và địa chỉ của cơ sở trực tiếp sản xuất sản phẩm, tương ứng với danh sách đã liệt kê tại Phần II mục 5.



Số/ No: 22896.2508/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.8174 2507
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.21239 2507
Trang/ Page: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM**
Địa chỉ/ Address : **Số 30, Đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **29/07/2025** Thời gian phân tích/ Time of analysis: **29/07-04/08/2025**
Ngày trả kết quả/ Date of issue : **06/08/2025**
Loại mẫu/ Kind of sample : **Thực phẩm** Số lượng mẫu/ Quantity of sample: **300G**
Tên mẫu/ Name of sample : **BÁNH NƯỚNG GÀ QUAY KIM ĐIỀU SỐT MALA 1 TRỨNG**
Tình trạng mẫu / State of sample : **Đóng gói kín**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)	TCVN 4884 - 1:2015; ISO 4833 – 1:2013/AMD 1:2022	< 10	CFU/g
2	<i>Escherichia coli</i> (*)	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	< 10	CFU/g
3	Staphylococci dương tính với coagulase (*)	ISO 6888-1:2021Amd 1:2023	< 10	CFU/g
4	Tổng số nấm mốc (*)	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	< 10	CFU/g
5	<i>Salmonella</i> (*)	TCVN 10780-1: 2017; ISO 6579-1:2017/AMD1:2020	Không phát hiện	trong 25g
6	Năng lượng	TCVN 7088: 2015	367	Kcal/100g
7	Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	SOP.01-445:2022 (Ref. AOAC 986.25)	45,8	g/100g
8	Béo tổng (*)	SOP.01-194:2021 (Ref. FAO FOOD 14/7, page 214)	16,1	g/100g
9	Protein (*)	TCVN 10034: 2013 (ISO 1871: 2009)	9,74	g/100g
10	Đường tổng (*)	SOP.01-122:2020 (Ref. TCVN 4594: 1988)	27,3	g/100g
11	Natri (Na) (*)	SOP.01-173:2020 (Ref. AOAC 969.23)	387	mg/100g

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: **Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro – Forestry - Fisheries Quality Assurance Department; Bộ Công Thương/ Ministry of Industry and Trade of The Socialist Republic of Vietnam.**

No. Document: QTCL-13/BM02
Version: 11
Date of issue: 15/07/2025

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE

Số/ No: 22896.2508/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.8174 2507
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.21239 2507
Trang/ Page: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
12	Chì (Pb) (*)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0,01)	mg/kg
13	Cadimi (Cd)	AOAC 999.11	Không phát hiện (LOD=0,0015)	mg/kg
14	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2) (*)	SOP.01- 362:2022 (Ref. AOAC 991.31)	Không phát hiện (LOD=0,5)	µg/kg
15	Aflatoxin B1 (*)	SOP.01- 362:2022 (Ref. AOAC 991.31)	Không phát hiện (LOD=0,2)	µg/kg
16	Deoxynivalenol	SOP.01-603: 2024 (Ref. EN 15791:2009)	Không phát hiện (LOD=10)	µg/kg
17	Zearalenone	SOP.01-604: 2024 (Ref. TCVN 10640: 2014)	Không phát hiện (LOD=1)	µg/kg

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng


GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm

Số/ No: 22896.2508/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.8174 2507
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.21239 2507
Trang/ Page: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

THÔNG TIN DINH DƯỠNG NUTRITION FACTS

Giá trị dinh dưỡng tính trong 100g
Nutritional value calculated in 100g

		% Giá trị hàng ngày* % Daily Value*
Năng lượng/ Energy	367 Kcal	
Chất đạm/ Protein	9.74g	
Carbohydrate/ Carbohydrate	45.8g	14%
Đường tổng số/ Total Sugars	27.3g	
Chất béo/ Total Fat	16.1g	29%
Natri/ Sodium	387mg	19%

* Giá trị hàng ngày (%) cho biết một chất dinh dưỡng trong khẩu phần thực phẩm đóng góp bao nhiêu vào chế độ ăn hàng ngày. 2.000 Kcal mỗi ngày được sử dụng để đưa ra các khuyến nghị dinh dưỡng chung.

* The % Daily Values (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.